

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2026/DS-ST
Ngày 24-04-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Khô.
- Ông Lê Thanh Trà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1213/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T; địa chỉ: Số 89 đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thế Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 278 đường N, phường Q, tỉnh Gia Lai đại diện theo uỷ quyền (Theo văn bản uỷ quyền số 8876.10/2025/UQ-KHCN3-RCC4 ngày 02 tháng 10 năm 2025); có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Phương T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 1, thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2025 của nguyên đơn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T trình bày:

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, ông Lê Phương T1 có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 20.000.000 đồng theo Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380, lãi suất thỏa thuận 39,48%/năm, sau đó ông Lê Phương T1 vay thêm số tiền 1.705.640 đồng nên tổng số tiền ông Lê Phương T1 đã vay là 21.705.640 đồng. Đến ngày 15 tháng 10 năm 2021, ông Lê Phương T1 tiếp tục vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 105.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508, lãi suất trong hạn là 39%, T1 hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Ngoài ra còn những thỏa thuận khác được quy định trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Sau khi vay số tiền 21.705.640 đồng theo Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380, ông Lê Phương T1 đã trả nợ gốc 2.079.571 đồng, trả nợ lãi 8.504.036 đồng và trả phí 497.676 đồng. Tổng dư nợ còn lại mà ông T1 còn nợ của Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380 tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2026 là 97.286.675 đồng, cụ thể nợ gốc 19.626.069 đồng, nợ lãi 77.660.606 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508, ông Lê Phương T1 đã trả 25.205.291 đồng, cụ thể đã trả nợ gốc 8.521.837 đồng, trả nợ lãi 16.683.454 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn đã trả 13.605.387 đồng, lãi quá hạn đã trả 3.078.067 đồng. Tổng dư nợ còn lại mà ông T1 còn nợ của Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508 tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2026 là 327.017.857 đồng; trong đó nợ gốc còn lại 96.478.163 đồng và nợ lãi còn lại 230.539.694 đồng, gồm nợ lãi trong hạn 6.144.832 đồng và nợ lãi quá hạn 224.394.862 đồng.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, ông Lê Phương T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T đối với Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, ông Lê Phương T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T đối với Hợp đồng tín dụng số 005-P-2997380.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T đã nhiều lần liên hệ làm việc tạo điều kiện giải quyết khoản vay nhưng ông Lê Phương T1 không thực hiện nghĩa vụ. Việc vi phạm nghĩa vụ của ông Lê Phương T1 làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T yêu cầu ông Lê Phương T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 97.286.675 đồng, trong đó tiền gốc 19.626.069 đồng, tiền lãi 77.660.606 đồng của Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380 ngày 29 tháng 01 năm 2021; số tiền 327.017.857 đồng; trong đó tiền gốc 96.478.163 đồng, tiền lãi 230.539.694 đồng của Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508 ngày 15 tháng 10 năm 2021. Yêu cầu ông Lê Phương T1 tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ

phần Việt Nam T. Ngoài ra Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lê Phương T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông Lê Phương T1 không tham gia tố tụng, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước T1 điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T, buộc bị đơn ông Lê Phương T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 97.286.675 đồng, trong đó tiền gốc 19.626.069 đồng, tiền lãi 77.660.606 đồng của Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380 ngày 29 tháng 01 năm 2021; số tiền 327.017.857 đồng; trong đó tiền gốc 96.478.163 đồng, tiền lãi 230.539.694 đồng của Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508 ngày 15 tháng 10 năm 2021; buộc ông Lê Phương T1 tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Phương T1 có nghĩa vụ trả các khoản nợ tín dụng theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết. Bị đơn ông Lê Phương T1 cư trú tại thôn V, xã

T, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội, vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Phương T1 tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê Phương T1.

[3] Về nội dung án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có căn cứ chứng minh vào ngày 29 tháng 01 năm 2021, ông Lê Phương T1 vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 20.000.000 đồng theo Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380, lãi suất thỏa thuận 39,48%/năm, sau đó ông Lê Phương T1 vay thêm số tiền 1.705.640 đồng nên tổng số tiền ông Lê Phương T1 đã vay là 21.705.640 đồng. Đến ngày 15 tháng 10 năm 2021, ông Lê Phương T1 tiếp tục vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 105.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508, lãi suất trong hạn là 39%, T1 hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Ngoài ra còn những thỏa thuận khác được quy định trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Sau khi vay số tiền 21.705.640 đồng theo Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380, ông Lê Phương T1 đã trả nợ gốc 2.079.571 đồng, trả nợ lãi 8.504.036 đồng và trả phí 497.676 đồng; tổng dư nợ còn lại mà ông T1 còn nợ của Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380 tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2026 là 97.286.675 đồng, gồm nợ gốc 19.626.069 đồng, nợ lãi 77.660.606 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508, ông Lê Phương T1 đã trả 25.205.291 đồng, cụ thể đã trả nợ gốc 8.521.837 đồng, trả nợ lãi 16.683.454 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn đã trả 13.605.387 đồng, lãi quá hạn đã trả 3.078.067 đồng; tổng dư nợ còn lại mà ông T1 còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508 tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2026 là 327.017.857 đồng; trong đó nợ gốc còn lại 96.478.163 đồng và nợ lãi còn lại 230.539.694 đồng, gồm nợ lãi trong hạn 6.144.832 đồng và nợ lãi quá hạn 224.394.862 đồng. Ngày 15 tháng 4 năm 2022, ông Lê Phương T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508; ngày 12 tháng 5 năm 2022, ông Lê Phương T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng số 005-P-2997380. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T yêu cầu ông Lê Phương T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 97.286.675 đồng, trong đó tiền gốc 19.626.069 đồng, tiền lãi 77.660.606

đồng của Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380 ngày 29 tháng 01 năm 2021; số tiền 327.017.857 đồng, trong đó tiền gốc 96.478.163 đồng, tiền lãi 230.539.694 đồng của Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508 ngày 15 tháng 10 năm 2021; yêu cầu ông Lê Phương T1 tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn ông Lê Phương T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận $[20.000.000 \text{ đồng} + (24.304.532 \text{ đồng} \times 4\%)] = 20.972.181 \text{ đồng}$, lấy tròn số 20.972.000 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 8.711.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003248 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Căn cứ vào các điều 3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

2. Buộc ông Lê Phương T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 97.286.675 đồng, trong đó tiền gốc 19.626.069 đồng, tiền lãi 77.660.606 đồng của Hợp đồng mở thẻ số 005-P-2997380 ngày 29 tháng 01 năm 2021. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm

2026) ông Lê Phương T1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và các khoản phí khác của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà ông Lê Phương T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T theo quyết định của bản án này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

3. Buộc ông Lê Phương T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 327.017.857 đồng, trong đó tiền gốc 96.478.163 đồng, tiền lãi 230.539.694 đồng của Hợp đồng tín dụng số LN 2110124481508 ngày 15 tháng 10 năm 2021. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 25 tháng 4 năm 2026) ông Lê Phương T1 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn và các khoản phí khác của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà ông Lê Phương T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T theo quyết định của bản án này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Phương T1 phải chịu số tiền 20.972.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 8.711.000 đồng (Tám triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003248 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong T1 hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 24 tháng 04 năm 2026). Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong T1 hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; T1 hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước,

TÒA

tỉnh Bình Định;

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước,
tỉnh Bình Định;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án;

- Lưu Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Văn Công Minh

